

Số: /2026/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Lai Châu

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/3/2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Thành viên HĐ TĐKT tỉnh;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc khối thi đua của tỉnh;
- VP UBND tỉnh: V, C, CB;
- Lưu: VT, Th8.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hà Quang Trung

QUY CHẾ**Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

*(Kèm theo Quyết định số: /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về trách nhiệm, thẩm quyền của các tập thể, cá nhân trong công tác thi đua, khen thưởng; hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng, cấp đổi, cấp lại, huỷ bỏ, thu hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; cơ quan Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; cơ quan Đảng ủy UBND tỉnh; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các Ban của HĐND tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; các tổ chức hội cấp tỉnh được Đảng, nhà nước giao nhiệm vụ; cơ quan đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp tỉnh; Doanh nghiệp thuộc Khối thi đua của tỉnh (sau đây viết tắt là cơ quan, đơn vị).

2. Đảng bộ, HĐND, UBND cấp xã; các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng ủy cấp xã; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban của HĐND, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã; thôn, bản, tổ dân phố.

3. Tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị tại khoản 1 Điều này.

4. Các cá nhân, hộ gia đình, tập thể người Việt Nam cư trú trong và ngoài tỉnh.

5. Các cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Quy định chung về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và đảm bảo các quy định sau:

1. Việc khen thưởng tránh tràn lan, hình thức; cấp nào quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thì cấp đó có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Không khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng đối với tập thể mà tập thể lãnh đạo, quản lý hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên trong thời gian tính thành tích đề nghị khen thưởng.

3. Trong một năm, cá nhân, tập thể được xét tặng không quá 01 Bằng khen về thành tích thi đua theo chuyên đề, nếu phong trào thi đua theo chuyên đề đó có thời gian từ đủ 01 năm trở lên (trừ các trường hợp khen thưởng thành tích đột xuất hoặc khen thưởng chuyên đề có hướng dẫn riêng); tập thể, cá nhân khi trình các hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thì không đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen hoặc khi được Nhà nước tặng các hình thức khen thưởng thì năm tiếp theo không đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (đối với khen công trạng).

4. Cấp nào chủ trì phát động thi đua thì khi sơ kết, tổng kết cấp đó thực hiện khen thưởng theo thẩm quyền. Phong trào thi đua trong phạm vi sở, ban, ngành, xã, phường có thời gian từ 01 năm trở lên, khi tổng kết phong trào được xem xét đề nghị khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua; đơn vị phát động phong trào thi đua **chủ trì**, phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn khen thưởng theo quy định.

Điều 4. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh

a) Là cơ quan do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh;

b) Thành phần Hội đồng gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Hội đồng có không quá 04 Phó Chủ tịch. Giám đốc Sở Nội vụ làm Phó Chủ tịch thường trực. Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành

viên Hội đồng; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

c) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

- Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; tổ chức thi đua theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

- Tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng thưởng danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

d) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh hoạt động theo quy chế của Hội đồng;

đ) Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương

a) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương do người đứng đầu cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn về thực hiện công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý;

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND cấp xã, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức kinh tế khác; Hội đồng có không quá 02 Phó Chủ tịch; người đứng đầu đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương là Phó Chủ tịch thường trực; Chủ tịch Hội đồng quyết định cơ cấu, thành phần các thành viên Hội đồng;

c) Hội đồng chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trên trực tiếp; ban hành quy chế hoạt động của Hội đồng;

d) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng: Thủ trưởng sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các đơn vị có tư cách pháp nhân trực thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đại diện pháp luật của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác có trách nhiệm quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp mình cho phù hợp.

Điều 5. Trách nhiệm của các cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong

triển khai tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng

1. Chủ tịch UBND tỉnh phát động, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; phát hiện, đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, người đứng đầu doanh nghiệp tổ chức phát động hoặc chỉ đạo triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, đánh giá, lựa chọn các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích tiêu biểu (là điển hình tiên tiến) để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh trong triển khai tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi toàn tỉnh; chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

Cơ quan, bộ phận thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu cho người đứng đầu triển khai, tổ chức thực hiện phong trào thi đua trong phạm vi quản lý.

4. Báo và phát thanh, truyền hình Lai Châu và các cơ quan thông tin đại chúng khác thường xuyên tuyên truyền mục đích, ý nghĩa của phong trào thi đua yêu nước theo tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; vị trí vai trò, tầm quan trọng của thi đua yêu nước trong sự nghiệp cách mạng; đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước; phản ánh đúng kết quả, bài học kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, những đổi mới trong công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương; phát hiện các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; biểu dương, tôn vinh, nêu gương các điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt; đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 6. Hình thức, phạm vi, nội dung tổ chức phong trào thi đua và các danh hiệu thi đua

1. Hình thức, phạm vi tổ chức thi đua

a) Thi đua thường xuyên được tổ chức trong phạm vi một cơ quan, đơn vị, địa phương hoặc giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau được chia theo khối, cụm thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến

hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua;

b) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh khi tiến hành sơ kết, tổng kết, Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Đối với phong trào thi đua có thời gian từ 03 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; đối với phong trào thi đua có thời gian từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba;

Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ (Ban Thi đua, Khen thưởng Trung ương);

c) Khi tổ chức phong trào thi đua theo đợt (chuyên đề) trong phạm vi sở, ban, ngành, xã, phường có thời gian từ đủ 01 năm trở lên, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp, đối chiếu khi thẩm định hồ sơ khen thưởng cấp tỉnh.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 4 Thông tư số 15/2025/TT-BNV.

3. Các danh hiệu thi đua

Thực hiện theo Điều 19, Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Tổ chức cụm, khối thi đua

Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập, hướng dẫn tổ chức và hoạt động các cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

Điều 8. Danh hiệu "Lao động tiên tiến"

1. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để tặng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;
- b) Có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh; tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị;
- c) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua.

2. Danh hiệu "Lao động tiên tiến" để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động (không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) đạt các tiêu chuẩn sau:

- a) Lao động, sản xuất có hiệu quả được cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp

công nhận; tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;

b) Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, hương ước, quy ước nơi cư trú; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

Điều 9. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

1. Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Sáng kiến được cơ sở công nhận hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu được làm căn cứ xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

Điều 10. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua tỉnh"

1. Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ làm căn cứ xét danh hiệu thi đua "Chiến sĩ thi đua tỉnh" do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học tỉnh (Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực) tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Tiêu chuẩn xét tặng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ làm căn cứ xét danh hiệu thi đua "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc.

3. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học tỉnh tham mưu, tư vấn cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận hiệu quả và khả năng nhân rộng, phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong phạm vi toàn quốc.

Điều 12. Danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động tiên tiến"

a) Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh: Xét tặng cho tập thể các phòng, ban và tương đương trực thuộc.

b) Đối với cơ quan Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; cơ quan Đảng ủy UBND tỉnh: Xét tặng đối với tập thể các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy.

c) Đối với xã, phường: Xét tặng cho các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng ủy cấp xã; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban của HĐND, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã.

d) Đối với các doanh nghiệp tham gia Khôi thi đua của tỉnh (Công ty cổ phần; Công ty TNHH,...): Xét tặng cho các đơn vị trực thuộc doanh nghiệp như phòng, phân xưởng và tương đương.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" để xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; đối với tập thể không thực hiện việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm thì kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm phải đạt kế hoạch trở lên;

b) Tham gia đầy đủ các phong trào thi đua, thiết thực, hiệu quả;

c) Có ít nhất là 70% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến" và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;

d) Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

đ) Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 13. Danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc"

1. Đối tượng xét tặng danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc": Thực hiện theo khoản 1 Điều 12 của Quy chế này.

2. Danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" để xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; đối với tập thể không thực hiện việc đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm thì kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm phải đạt kế hoạch, trong đó 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ trở lên vượt kế hoạch,

không có tổ chức trực thuộc hoặc tập thể lãnh đạo, quản lý hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật;

b) Tích cực tham gia phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;

c) Có 100% cá nhân trong tập thể được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó có ít nhất là 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

d) Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

đ) Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

e) Tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Điều 14. Danh hiệu "Cờ thi đua của tỉnh"

1. Đối tượng tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”

a) Các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; cơ quan Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, cơ quan Đảng ủy UBND tỉnh; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; cơ quan đơn vị thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ được tổ chức ở cấp tỉnh; các doanh nghiệp đã được tổ chức chia cụm, khối ký kết giao ước thi đua, được bình chọn là đơn vị tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối;

b) Các xã, phường được tổ chức chia cụm và tổ chức ký kết giao ước thi đua và bình chọn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của cụm; được Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường bình chọn, đề nghị;

c) Các Trường học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; các Trường học thuộc xã, phường; Bệnh viện, Chi cục, Trung tâm thuộc Sở Y tế đã được tổ chức chia cụm, khối thi đua, ký kết giao ước thi đua và được bình xét là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của cụm, khối thi đua;

d) Tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do UBND tỉnh phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” để tặng hằng năm cho tập thể được bình xét suy tôn là đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm, Khối và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong tỉnh;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” trong phong trào thi đua chuyên đề thực hiện theo văn bản của UBND tỉnh.

4. Số lượng và nguyên tắc tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh”

a) Mỗi cụm, khối thi đua được bình xét, lựa chọn 01 đơn vị dẫn đầu và đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn tại khoản 2 Điều này; số lượng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” trong phong trào thi đua chuyên đề thực hiện theo văn bản của UBND tỉnh;

b) Không tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” đối với tập thể được lựa chọn, đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”. Trường hợp tập thể đã được đề nghị tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thì được xem xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” nếu đảm bảo theo quy định chung.

Điều 15. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, lựa chọn không quá 20% tổng số tập thể dẫn đầu khối thi đua, đạt tiêu chuẩn tặng danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” đảm bảo tính đại diện, tiêu biểu ngành, lĩnh vực, địa phương và đơn vị cơ sở để trình cấp có thẩm quyền tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ".

2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, đề xuất tập thể tiêu biểu xuất sắc trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của tỉnh” đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xem xét, lựa chọn.

Mục 2

HÌNH THỨC, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

Tặng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa

học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

đ) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã;

Đối với công nhân có sáng kiến trong lao động sản xuất đã áp dụng mang lại nhiều lợi ích cho đơn vị, doanh nghiệp được cấp có thẩm quyền công nhận; Đối với nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

2. Tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của địa phương được tỉnh công nhận.

3. Tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

d) Có 02 năm liên tục được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có đóng góp cho sự phát triển của địa phương.

5. Tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

6. Ngoài các quy định trên "Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh" được tặng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Tập thể tích cực tham gia phong trào thi đua của Khối, hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua, nhiệm vụ được giao trong năm, được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”; tổ chức đảng, đoàn thể (nếu có) được đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được khối thi đua bình xét, đề nghị; mỗi cụm, khối thi đua được bình xét, lựa chọn 01 đơn vị đứng nhì cụm, khối thi đua đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh; tập thể, cá nhân là điển hình tiên tiến của Cụm thi đua 7 tỉnh miền núi Biên giới phía Bắc khi tổ chức tổng kết Cụm thi đua tại tỉnh;

b) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua chuyên đề do cơ quan, đơn vị, địa phương phát động từ 01 năm trở lên hoặc sơ, tổng kết lĩnh vực công tác, luật, pháp lệnh, nghị định, chỉ thị, nghị quyết, Đề án ... của Trung ương theo Kế hoạch của Tỉnh ủy hoặc UBND tỉnh (trong đó có nội dung khen thưởng) đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể, cá nhân;

c) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong thực hiện các phong trào thi đua do Trung ương, tỉnh phát động hoặc các sự kiện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội do Tỉnh ủy, UBND tỉnh tổ chức đề nghị khen thưởng không quá 10 tập thể, cá nhân;

d) Tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong công tác bầu cử; Đại hội; hoạt động nhiệm kỳ HĐND cấp tỉnh đề nghị khen thưởng không quá 15 tập thể, cá nhân;

đ) Tập thể, cá nhân đang công tác có đóng góp tích cực cho sự phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương nhân kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống là các năm tròn số lượng đề nghị khen thưởng cụ thể như sau: cơ quan, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dưới 100 không quá 05 tập thể, cá nhân; từ 100 đến dưới 500 không quá 08 tập thể, cá nhân; từ 500 trở lên không quá 10 tập thể, cá nhân; xã, phường không quá 15 tập thể, hộ gia đình, cá nhân;

e) Trường hợp cần tăng số lượng khen thưởng so với quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 6 điều này thì Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền.

f) Tặng hằng năm cho các tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc thuộc các đơn vị lực lượng vũ trang, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Trung ương phục vụ

nhiệm vụ chính trị trên địa bàn tỉnh có nhiều đóng góp trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của tỉnh;

Đối với đơn vị lực lượng vũ trang lựa chọn, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen không quá 10 tập thể, cá nhân;

Đối với các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh lựa chọn, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen không quá 03 tập thể, cá nhân.

7. Tập thể, cá nhân đạt được một trong các tiêu chuẩn sau sẽ được xét khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Cá nhân, đôi, đồng đội đạt giải nhất, nhì, ba hoặc huy chương vàng, bạc, đồng toàn quốc, quốc gia và quốc tế trong các cuộc thi chính thức do Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương, các tổ chức, hiệp hội, liên đoàn thể thao quốc gia, quốc tế tổ chức, các Hội thi, Hội diễn liên hoan toàn quốc và quốc tế, kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa, kỳ thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia, Quốc tế, kỳ thi cán bộ quản lý giỏi, giáo viên, giảng viên giỏi cấp Quốc gia;

Trong cùng một cuộc thi, Hội thi, Hội diễn, kỳ thi 01 cá nhân đạt nhiều giải thì cộng dồn thành tích để khen thưởng một lần; trong 01 năm 01 cá nhân, đôi, đồng đội đề nghị khen thưởng không quá 01 lần.

b) Huấn luyện viên, chỉ đạo nghệ thuật, đạo diễn, biên đạo có thành tích huấn luyện vận động viên, tham gia các Hội thi, Hội diễn liên hoan đạt huy chương vàng, bạc, đồng hoặc giải nhất, nhì, ba toàn quốc, quốc gia và quốc tế trong các cuộc thi chính thức do Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương, các tổ chức, hiệp hội, liên đoàn thể thao quốc gia, quốc tế tổ chức; giáo viên tiêu biểu nhất trong số các giáo viên trực tiếp bồi dưỡng học sinh giỏi đạt giải nhất, nhì, ba các môn văn hoá, nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp Quốc gia, quốc tế; tặng 01 lần trong năm cho Huấn luyện viên, chỉ đạo nghệ thuật, đạo diễn, biên đạo, giáo viên đạt tiêu chuẩn này;

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc; có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp Nhà nước; đối với công nhân, nông dân, người lao động có phát minh, sáng chế được ứng dụng trong thực tiễn mang lại hiệu quả và được cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương công nhận;

d) Tập thể, cá nhân mưu trí, dũng cảm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, trong điều tra, truy tố, xét xử các vụ án đặc biệt nghiêm trọng hoặc có hành động dũng cảm cứu người, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của Nhân dân, khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn hoặc có nghĩa cử cao đẹp được dư luận xã hội hoan nghênh

hoặc lập được nhiều thành tích trong công tác phòng chống thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, diễn tập khu vực phòng thủ;

Trong cùng một thời điểm 01 cá nhân tham gia nhiều chuyên án khác nhau thì cộng dồn thành tích để khen thưởng một lần; trong 01 năm 01 cá nhân đề nghị khen thưởng không quá 02 lần;

d) Cá nhân, hộ gia đình trực tiếp đóng góp (không qua huy động, kêu gọi ủng hộ) về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên (có thể tính đóng góp cộng dồn trong 01 năm);

e) Tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị đột xuất do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh giao.

f) Người có tài năng do cơ quan, đơn vị, địa phương phát hiện, giới thiệu, tôn vinh và đề nghị khen thưởng.

8. Tập thể, cá nhân ở các địa phương ngoài tỉnh, công dân Việt Nam làm việc, học tập, định cư ở nước ngoài, người nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài, các tổ chức quốc tế hoạt động hợp pháp có nhiều thành tích đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển tỉnh Lai Châu; công tác xã hội, từ thiện nhân đạo;

Cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, căn cứ thành tích đóng góp của các tập thể, cá nhân xin chủ trương khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh trước khi đề nghị khen thưởng theo quy định.

Điều 17. Giấy khen

Tặng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình quy định tại khoản 2 (trừ Đảng ủy, HĐND, UBND cấp xã), khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 2 của Quy chế này lập được thành tích thường xuyên hoặc đột xuất và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Giấy khen tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động và được triển khai thực hiện hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ quan,

đơn vị, địa phương;

d) Công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong địa bàn cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Giấy khen tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, được cơ quan, đơn vị, địa phương công nhận.

3. Giấy khen được tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động và được triển khai thực hiện hiệu quả tại cơ quan, đơn vị, địa phương;

b) Lập được thành tích đột xuất có ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo của cơ quan, đơn vị, địa phương;

d) Được cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

4. Giấy khen được tặng cho doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự phát triển của cơ quan, đơn vị, địa phương, được cơ quan, đơn vị, địa phương công nhận.

5. Giấy khen để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có nhiều đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội.

6. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình hoàn thành tốt nhiệm vụ ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề hoặc có thành tích đột xuất và do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 18. Các hình thức biểu dương, khen thưởng khác

Ngoài các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được quy định trong Quy chế này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có thể có các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua nhưng không trái với quy định của Luật Thi đua, khen thưởng.

Mục 3

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG VÀ LẤY Ý KIẾN KHEN THƯỞNG

Điều 19. Thẩm quyền quyết định và trao tặng

1. Chủ tịch UBND tỉnh; thủ trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc và đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy; cơ quan Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh; cơ quan Đảng ủy UBND tỉnh; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 79, khoản 1, 3, 4 Điều 80 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 59 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

2. Người có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trực tiếp trao tặng hoặc ủy quyền trao tặng.

Điều 20. Trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; nghi thức công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện quy định tại Điều 29, Điều 30 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP và cụ thể như sau:

a) Công bố quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Công bố toàn văn quyết định khen thưởng; công bố xong, người công bố mời đại diện lãnh đạo của tập thể hoặc cá nhân hoặc hộ gia đình có tên trong quyết định khen thưởng lên lễ đài để đón nhận danh hiệu thi đua hoặc hình thức khen thưởng;

b) Chủ tịch UBND tỉnh hoặc người được ủy quyền trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đứng ở vị trí trung tâm của lễ đài để trao Bằng cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình; đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua của tỉnh” người trao gắn Huy hiệu lên phía trái ngực áo người đón nhận, sau đó trao Bằng. Đối với truy tặng thì người trao trao Bằng cho đại diện gia đình cá nhân được truy tặng

Bằng khen;

c) Đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Người đón nhận khen thưởng được mời lên vị trí trung tâm của lễ đài và đứng nghiêm theo hàng ngang trên lễ đài để đón nhận; khi đón nhận Bằng (hoặc Cờ), người đón nhận khen thưởng nâng Bằng hoặc Cờ cao ngang ngực, giữ nguyên tư thế cho đến khi rời khỏi lễ đài;

d) Trong trường hợp cần thiết, đại diện tập thể (hoặc cá nhân, hộ gia đình) được khen thưởng phát biểu ý kiến sau khi đón nhận khen thưởng.

2. Người phục vụ nghi thức trao: Không quay lưng về phía người dự; đứng phía sau, bên phải (tay thuận) người trao khi đưa Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng, Cờ cho người trao; đặt Huy hiệu kèm theo danh hiệu, Bằng trong khay phủ vải đỏ; Bằng phải được lồng trong khung; bưng khay, đưa Bằng, Cờ bằng hai tay cho người trao.

3. Công bố quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

a) Khi trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại buổi lễ hoặc Hội nghị do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh tổ chức do đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ thực hiện;

b) Khi trao tặng, đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng tại buổi lễ hoặc Hội nghị do các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức do đại diện lãnh đạo của đơn vị tổ chức hoặc đại diện lãnh đạo của đơn vị tham mưu công tác thi đua, khen thưởng thực hiện.

Điều 21. Quy định về lấy ý kiến để khen thưởng

1. Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh văn bản về lấy ý kiến các cơ quan được quy định tại khoản 3, 4 Điều 34 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

2. Sở Nội vụ tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh lấy ý kiến Nhân dân trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh ít nhất 10 ngày làm việc trước khi họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh đối với các tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng Huân chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước” và danh hiệu vinh dự nhà nước (trừ trường hợp đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản).

3. Trong trường hợp cần thiết Sở Nội vụ lấy kiến bằng văn bản của các cơ quan, đơn vị có liên quan để làm rõ thành tích của các tập thể, cá nhân, hộ gia đình đề nghị khen thưởng trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Mục 4

CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ

Điều 22. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và các quy định có liên quan.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với tập thể được thực hiện theo quy định của Đảng về kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng hàng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị và quy định của tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Mục 5

HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thủ tục xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Khen cấp tỉnh

a) Cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn trình Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

b) Sở Nội vụ thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh xét; trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

c) Văn phòng UBND tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký các quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Khen thưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh

a) Các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương của sở, ban, ngành tỉnh, doanh nghiệp thuộc Khối thi đua của tỉnh căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Giám đốc doanh nghiệp tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân;

b) Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành tỉnh, doanh nghiệp thuộc Khối thi đua của tỉnh thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị xét; trình Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân.

3. Khen thưởng của cấp xã

a) Các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp thuộc Đảng uỷ cấp xã; cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Ban của HĐND, các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã căn cứ điều kiện, tiêu chuẩn đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã (qua phòng Văn hoá - Xã hội) tặng danh hiệu thi

đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình;

b) Phòng Văn hoá - Xã hội tổng hợp, thẩm định, trình Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã xét; trình Chủ tịch UBND cấp xã tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

Điều 24. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, hộ gia đình, cá nhân;
- c) Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- d) Quyết định công nhận hoặc chứng nhận của cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền đối với sáng kiến, đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Chiến sĩ thi đua tỉnh”;
- đ) Đối với danh hiệu "Cờ thi đua của tỉnh" ngoài các văn bản quy định tại điểm a, b, c khoản này gửi thêm biên bản bình xét và kết quả bỏ phiếu kín của Khối, Cụm thi đua.

2. Hồ sơ đề nghị xét tặng hình thức khen thưởng 01 bộ (bản chính) gồm:

- a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương;
- b) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân, hộ gia đình;
- c) Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương;
- d) Quyết định công nhận hoặc chứng nhận của cơ quan, đơn vị, tổ chức có thẩm quyền đối với thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, công tác, sản xuất, kinh doanh, học tập và nghiên cứu khoa học hoặc lĩnh vực khác; đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo; phát minh, sáng chế, sáng kiến, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ hoặc tác phẩm, công trình khoa học và công nghệ.

Mục 6

HỒ SƠ, THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 25. Cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân, hộ gia đình (mẫu 1.1, 1.2 - Phụ lục I) khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi;

b) Công văn đề nghị cấp đổi của Thủ trưởng sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã kèm danh sách (mẫu 1.3 - Phụ lục I) gửi Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh.

2. Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến cơ quan, tổ chức, đơn vị (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi;

b) Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp đổi kèm theo danh sách và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Nội vụ xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh cấp đổi;

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng

Căn cứ công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã, Sở Nội vụ tra cứu và trình Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng.

Hiện vật khen thưởng cấp đổi do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định.

Mẫu bằng cấp đổi in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng, năm” của Chủ tịch UBND tỉnh. Tập thể, cá nhân khi được cấp đổi bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi (Mẫu 1.4 - Phụ lục I).

3. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân, hộ gia đình gửi hồ sơ tới Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Sở Nội vụ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp đổi cho Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã.

4. Hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, Sở Nội vụ có trách nhiệm thực

hiện xử lý, tiêu hủy theo quy định hiện hành.

Điều 26. Cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Công văn đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân, hộ gia đình (mẫu 2.1, 2.2 - Phụ lục II) khi có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn gửi sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã đã trình khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh của sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã kèm theo danh sách (mẫu 2.3 - Phụ lục II) gửi Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ).

2. Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp lại gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã đã trình khen cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình;

b) Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi công văn kèm theo danh sách trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ);

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng;

Căn cứ công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của bộ, sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã, Sở Nội vụ tra cứu hồ sơ, trình Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng.

Hiện vật khen thưởng cấp lại do Sở Nội vụ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau:

Mẫu bằng cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp lại bằng số, ngày, tháng, năm” của UBND tỉnh. Tập thể, cá nhân khi được cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp lại (Mẫu 2.4 - Phụ lục II).

3. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng cấp tỉnh:

Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại của tập thể, cá nhân, hộ gia đình gửi hồ sơ tới Chủ tịch UBND

tỉnh (qua Sở Nội vụ).

Sở Nội vụ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp đổi cho Sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp xã.

Điều 27. Thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh

Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã; doanh nghiệp thuộc khối thi đua của tỉnh quy định chi tiết thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền.

Mục 7

THỦ TỤC, HỒ SƠ HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG CẤP TỈNH, CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ THUỘC TỈNH, CẤP XÃ; THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ TIỀN THƯỞNG

Điều 28. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình, trong đó nêu rõ lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng);

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Sở Nội vụ tổng hợp hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 29. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình

thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng thì cơ quan, tổ chức, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình, trong đó nêu rõ lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng);

b) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng.

4. Cơ quan, tổ chức, đơn vị trình Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và Trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 30. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp tỉnh, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho cơ quan, đơn vị, địa phương nơi đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình.

2. Cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng, tiền thưởng đã nhận đúng thời hạn và gửi về Sở Nội vụ trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm đôn đốc cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức thu hồi hiện vật khen thưởng, tiền thưởng đã nhận.

Điều 31. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, tập thể, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương.

2. Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể, hộ gia đình nộp lại hiện vật khen thưởng đã nhận đúng thời hạn trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hiện vật thu hồi; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

**Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 32. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND cấp xã có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Giao Sở Nội vụ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn và báo cáo UBND tỉnh về việc thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, bất cập, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.